

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên,

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 538/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Kim D; địa chỉ: Tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Khắc D; địa chỉ: Tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 15-12-2017 và Bản tự khai ngày 06-02-2018, nguyên đơn là chị Bùi Thị Kim D (chị D) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Vũ Khắc D (anh D) trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 09-02-1999 (Số: 13; quyển số: 01-1999). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm

ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt. Gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống, sinh hoạt.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Vũ Khắc T sinh ngày 19-02-1999 và Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006. Cháu T đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị D nhận nuôi cháu Thành đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh D vắng mặt nên Tòa án đã niêm yết những tài liệu sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 06-02-2018, con chung của chị D và anh D là cháu Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006 trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ với lý do từ trước tới nay cháu vẫn ở với mẹ và được học hành, chăm sóc chu đáo, ổn định.

Tại các biên bản xác minh ngày 06-02-2018 và ngày 28-02-2018, đại diện tổ dân phố, cảnh sát khu vực và chính quyền địa phương nơi chị D và anh D chung sống cung cấp thông tin về việc chị D và anh D đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, anh D thỉnh thoảng có mặt tại địa phương, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh D đã rất căng thẳng, anh chị sống ly thân nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống của các bên và đề nghị giao con chung cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh D và nhận trực tiếp nuôi con chung là Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng: Quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa

giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kim D được ly hôn với anh Vũ Khắc D. Về con chung: Đề nghị giao con Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006 cho mẹ là chị Bùi Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị D và anh D đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị Kim D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh D và đề nghị được nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn trong vụ án và cư trú tại tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K đã thụ lý vụ án vào ngày 30-01-2018 và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào 21-5-2018 là đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh D vắng mặt nên Tòa án đã niêm yết công khai, tổng đạt hợp lệ những tài liệu sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý

do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trong các bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị D tại phiên tòa đều thể hiện nội dung chị D xây dựng hạnh phúc với anh D trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 09-02-1999. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chị D và anh D chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Chị D và anh D đã sống ly thân nhiều năm nay và xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị D đề nghị được ly hôn với anh D. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn vợ chồng đoàn tụ của anh D. Như vậy có thể thấy rằng giữa chị D và anh D không còn yêu thương, quý trọng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Dung được ly hôn anh D.

[5] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Quá trình chung sống chị D và anh D có 02 con chung là Vũ Khắc T sinh ngày 19-02-1999 và Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị D đều trình bày: Cháu T đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị D nhận nuôi cháu Th đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị D là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo và phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006 cho mẹ là chị Bùi Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị D và anh D đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Dung là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim D và anh Vũ Khắc D.

2. Về nuôi con chung: Giao con Vũ Khắc Th sinh ngày 16-7-2006 cho mẹ là chị Bùi Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Bùi Thị Kim D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Bùi Thị Kim D và anh Vũ Khắc D đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010321 ngày 30-01-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Kim D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Kim D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Vũ Khắc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p. Quán Trữ, quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**